

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
VƯỜN QUỐC GIA CÁT BÀ



BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC VƯỜN QUỐC GIA CÁT BÀ, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Gói thầu:

**Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Cát Bà giai
đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

Cát Hải, năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
VƯỜN QUỐC GIA CÁT BÀ



BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC VƯỜN QUỐC GIA CÁT BÀ, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Gói thầu:

Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Cát Bà giai
đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Chủ đầu tư
VƯỜN QUỐC GIA CÁT BÀ
GIÁM ĐỐC

Đơn vị tư vấn
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
LÂM NGHIỆP NHIỆT ĐỚI
VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thịu

Dương Tiến Đức

Cát Hải, năm 2020

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
PHẦN 1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - KINH TẾ XÃ HỘI KHU VỰC NGHIÊN CỨU	2
1.1. Điều kiện tự nhiên	2
1.1.1. Vị trí địa lý và diện tích quản lý	2
1.1.2. Địa hình, địa chất, thổ nhưỡng	3
1.1.3. Điều kiện khí hậu, thủy văn, hải văn	7
1.1.4. Tài nguyên rừng	8
1.1.5. Nhận xét chung	9
1.2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế và xã hội	10
1.2.1. Dân sinh	10
1.2.2. Sản xuất nông nghiệp	11
1.2.3. Kinh tế rừng	13
PHẦN 2. MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP	14
2.1. Mục tiêu	14
2.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	14
2.2.1. Đối tượng điều tra	14
2.2.2. Phạm vi nghiên cứu	14
2.3. Nội dung nghiên cứu	14
2.4. Phương pháp điều tra thu thập số liệu	15
2.4.1. Tham khảo các tài liệu thứ cấp	15
2.4.2. Phương pháp phỏng vấn	15
2.4.3. Phương pháp điều tra thực địa	15
2.4.3.1. Phương pháp điều tra thực vật	15
2.4.3.2. Phương pháp nhóm động vật có xương sống	16
2.5. Phương pháp xử lý số liệu	16
2.5.1. Phương pháp lập danh lục động thực vật	16
2.5.2. Đánh giá trình trạng bảo tồn	16
PHẦN 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	18
3.1. Kết quả điều tra đa dạng sinh học thực vật	18
3.1.1. Đa dạng thành phần loài	18
3.1.2. Tình trạng bảo tồn khu hệ thực vật	18
3.2. Kết quả điều tra đa dạng sinh học động vật có xương sống	22
3.2.1. Đa dạng thành phần loài	22
3.2.1.1. Đa dạng thành phần loài thú	23
3.2.1.2. Đa dạng thành phần loài chim	24

3.2.1.3. Đa dạng thành phần loài bò sát	26
3.2.1.4. Đa dạng thành phần loài lưỡng cư	28
3.2.2. Tình trạng bảo tồn	28
3.2.2.1. Tình trạng bảo tồn khu hệ thú	28
3.2.2.2. Tình trạng bảo tồn khu hệ chim	30
3.2.2.3. Tình trạng bảo tồn khu hệ bò sát.....	32
3.2.2.4. Tình trạng bảo tồn khu hệ lưỡng cư	33
3.3. Kết quả điều tra đa dạng sinh học côn trùng.....	33
3.3.1. Đa dạng thành phần loài côn trùng	33
3.3.2. Tình trạng bảo tồn các loài côn trùng	35
PHẦN 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	36
4.1. Kết luận	36
4.1.1. Kết quả điều tra đa dạng sinh học thực vật	36
4.1.2. Kết quả điều tra đa dạng sinh học động vật có xương sống	36
4.1.3. Kết quả điều tra đa dạng sinh học côn trùng.....	36
4.2. Kiến nghị	36
TÀI LIỆU THAM KHẢO	1
PHỤ LỤC 1. DANH MỤC CÁC THỰC VẬT RỪNG CHỦ YẾU	1
PHỤ LỤC 2. DANH MỤC CÁC LOÀI THỰC VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM.....	103
PHỤ LỤC 3. DANH MỤC CÁC LOÀI THÚ CHỦ YẾU	1
PHỤ LỤC 4. DANH MỤC CÁC LOÀI THÚ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM	5
PHỤ LỤC 5. DANH MỤC CÁC LOÀI CHIM CHỦ YẾU	5
PHỤ LỤC 6. DANH MỤC CÁC LOÀI CHIM NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM	1
PHỤ LỤC 7. DANH MỤC CÁC LOÀI BÒ SÁT CHỦ YẾU	3
PHỤ LỤC 8. DANH MỤC CÁC LOÀI BÒ SÁT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM....	6
PHỤ LỤC 9. DANH MỤC CÁC LOÀI LƯỠNG CƯ CHỦ YẾU	7
PHỤ LỤC 10. DANH MỤC CÁC LOÀI LƯỠNG CƯ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM	9
PHỤ LỤC 11. DANH MỤC CÁC LOÀI CÔN TRÙNG CHỦ YẾU	10
PHỤ LỤC 12. DANH MỤC CÁC LOÀI CÔN TRÙNG CHỦ YẾU	1
PHỤ LỤC 13. SINH CẢNH MỘT SỐ ĐIỂM NGHIÊN CỨU.....	2
PHỤ LỤC 14. MỘT SỐ LOÀI THỰC VẬT TẠI VQG CÁT BÀ.....	4
PHỤ LỤC 15. MỘT SỐ LOÀI CHIM, THÚ TẠI VQG CÁT BÀ	6
PHỤ LỤC 16. MỘT SỐ LOÀI LƯỠNG CƯ, BÒ SÁT TẠI VQG CÁT BÀ.....	7
PHỤ LỤC 17. MỘT SỐ LOÀI CÔN TRÙNG TẠI VQG CÁT BÀ.....	2

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Diện tích các kiểu thảm thực vật tại đảo Cát Bà	9
Bảng 1.2. Hiện trạng dân số và lao động các xã năm 2019	11
Bảng 1.3. Kết quả sản xuất nông nghiệp năm 2019 tại các xã khu vực Vườn Quốc gia Cát Bà	12
Bảng 1.4. Thống kê đàn gia súc, gia cầm trong các xã năm 2019	12
Bảng 3.1. Đa dạng thành phần loài thực vật Vườn Quốc gia Cát Bà	18
Bảng 3.2. Tình trạng bảo tồn các loài thực vật có phân bố tự nhiên tại Vườn Quốc gia Cát Bà	19
Bảng 3.3. Tình trạng bảo tồn các loài thực vật được đưa từ nơi khác về trồng tại VQG Cát Bà	21
Bảng 3.4. Thành phần loài động vật rừng tại VQG Cát Bà	22
Bảng 3.5. Đa dạng thành phần loài thú VQG Cát Bà	23
Bảng 3.6. Đa dạng thành phần loài chim VQG Cát Bà	24
Bảng 3.7. Đa dạng thành phần loài bò sát tại VQG Cát Bà	27
Bảng 3.8. Đa dạng thành phần loài lưỡng cư tại VQG Cát Bà	28
Bảng 3.9. Tình trạng bảo tồn của các loài thú tại VQG Cát Bà	29
Bảng 3.10. Tình trạng bảo tồn các loài chim tại VQG Cát Bà	31
Bảng 3.11. Tình trạng bảo tồn các loài bò sát tại VQG Cát Bà	32
Bảng 3.12. Tình trạng bảo tồn các loài lưỡng cư tại VQG Cát Bà	33
Bảng 3.13. Đa dạng thành phần các bộ côn trùng tại VQG Cát Bà	34
Bảng 3.14. Các loài côn trùng quý hiếm tại VQG Cát Bà	35

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1. Kiểu địa hình núi đá vôi	3
Hình 1.2. Kiểu địa hình thung lũng giữa núi	4
Hình 1.3. Kiểu địa hình bồi tích ven biển	5

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CITES	Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) ký tại Washington D.C ngày 01 tháng 3-1973
NĐ06	Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
NĐ64	Nghị định 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 07 năm 2019 của Chính Phủ về Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
IUCN	Danh lục Đỏ IUCN 2020
SĐVN	Sách Đỏ Việt Nam 2007
VQG	Vườn Quốc gia

ĐẶT VẤN ĐỀ

Vườn Quốc gia Cát Bà là một khu rừng đặc dụng đặc biệt khi chứa đựng hệ sinh thái hải đảo quan trọng bậc nhất của Việt Nam, nơi đây đóng vai trò quan trọng trong công tác bảo tồn bảo tồn đa dạng các hệ sinh thái, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học. Đặc biệt, Vườn Quốc gia Cát Bà còn có ý nghĩa to lớn đối với việc bảo vệ môi trường sinh thái cho thành phố Hải Phòng và là nơi có tiềm năng để phát triển Du lịch sinh thái. Vườn Quốc gia Cát Bà được thành lập theo Quyết định 79-CT ngày 31/12/1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ), và đến ngày 01/8/1991 luận chứng kinh tế kỹ thuật của Vườn đã được phê duyệt. Hiện nay, tổng diện tích tự nhiên của Vườn là 17.362,96 ha, trong đó tổng diện tích đất lâm nghiệp là 9.931,60 ha chiếm 60,7% tổng diện tích tự nhiên, phần diện tích này chủ yếu là rừng đặc dụng, có giá trị cao về mặt bảo tồn rừng và hệ sinh thái rừng, nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và du lịch sinh thái. Vườn Quốc gia Cát Bà có 5.891,69 ha rừng tự nhiên, trong đó có 1.014,07 ha rừng nguyên sinh chiếm 17,2% và 4.877,62 ha rừng thứ sinh 82,8% tổng diện tích rừng tự nhiên. Vườn Quốc gia Cát Bà không chỉ có hệ động, thực vật phong phú đặc trưng cho hệ sinh thái núi đá vôi bắc Việt Nam mà còn có diện tích lớn hệ sinh thái biển với tính đa dạng sinh học cao.

Thực hiện theo thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý rừng bền vững, toàn bộ các đơn vị, cá nhân, tổ chức quản lý rừng cần phải thực hiện xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững để trình các cơ quan ban ngành có thẩm quyền phê duyệt. Việc xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững nhằm cụ thể hóa các mục tiêu phát triển, đối với và nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý của các cá nhân tổ chức trong công tác quản lý và phát triển rừng bền vững. Do đó, để có dữ liệu cập nhật và chính xác nhất về đa dạng thành phần các loài động thực vật ở trên cạn để từ đó xác định được chính xác các hình thức quản lý bảo vệ, và có được các giải pháp quan trọng để bảo tồn và phát triển hệ động thực vật tại Vườn Quốc gia, đặc biệt là cập nhật trong phương án quản lý rừng bền vững để có cơ sở thực hiện các nhiệm vụ của Vườn trong giai đoạn tới, Vườn Quốc gia Cát Bà thực hiện chuyên đề: ***“Đánh giá đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Cát Bà, thành phố Hải Phòng”***.

PHẦN 1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - KINH TẾ XÃ HỘI KHU VỰC NGHIÊN CỨU

1.1. Điều kiện tự nhiên

Vườn Quốc gia (VQG) Cát Bà được thành lập nhằm bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên và nguồn gen động thực vật quý hiếm đặc trưng cho vùng biển đảo Đông Bắc của Việt Nam. Không chỉ có giá trị đa dạng sinh học, Cát Bà còn là một trong những Vườn Quốc gia có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái bậc nhất ở Việt Nam.

VQG Cát Bà được thành lập theo Quyết định số 79/CT, ngày 31/03/1986 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ). Diện tích được đưa ra trong quyết định này là 15.200 ha, bao gồm 9.800 ha rừng trên đảo và 5.400 ha vùng biển xung quanh đảo. Ngày 01/08/1991; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt Luận chứng kinh tế kỹ thuật Vườn Quốc gia Cát Bà thuộc Bộ Lâm nghiệp theo Quyết định số 237-CT. Diện tích vùng đệm được tính gồm những dải đất và vùng mặt nước bao quanh Vườn rộng từ 1-3 km tính từ ranh giới Vườn trở ra. Ban quản lý đã được thành lập với nhiệm vụ quản lý cả phần trên đất liền và phần biển. Ngày 28/04/1997; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT ra Quyết định số 694/NN-TCCB/QĐ quy định chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Vườn Quốc gia Cát Bà. Ngày 10/07/2003, quần đảo Cát Bà đã được Ủy ban thường trực về Con người và sinh quyển của UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thứ 3 tại Việt Nam.

1.1.1. Vị trí địa lý và diện tích quản lý

- **Vị trí địa lý**

VQG Cát Bà nằm cách thành phố Hải Phòng khoảng 45km về phía Đông Nam, cách thành phố Hạ Long 25 km về phía Nam, có tọa độ địa lý:

- Từ 20⁰44' - 20⁰55' vĩ độ Bắc

- Từ 106⁰54' - 107⁰10' kinh độ Đông

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp vịnh Hạ Long được ngăn cách bởi Lạch Ngăn và Lạch Đầu Xuôi của Quảng Ninh.

- Phía Tây và Tây Nam là cửa sông Bạch Đằng, sông Cẩm và biển Hải Phòng - Đồ Sơn.

- Phía Đông và Đông Nam giáp Vịnh Lan Hạ.

- Vườn nằm trong phạm vi địa giới hành chính 6 xã và một thị trấn của huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng: xã Gia Luận, Phù Long, Hiền Hào, Xuân

Đám, Trân Châu, Việt Hải và thị trấn Cát Bà.

- Diện tích quản lý

Tổng diện tích tự nhiên của Vườn là 17.362,96 ha.

1.1.2. Địa hình, địa chất, thổ nhưỡng

- Địa hình

Đảo Cát Bà có độ cao phổ biến là 100m, những đỉnh có độ cao trên 200m không nhiều, cao nhất có đỉnh Cao Vọng 322m. Các đảo nhỏ có đầy đủ các dạng địa hình của một miền Karst bị ngập nước biển. Nhìn chung Cát Bà có các kiểu địa hình chính như sau:

+ Kiểu địa hình núi đá vôi:

Đây là vùng địa hình của một miền karst ngập nước biển khá điển hình, bị quá trình karst chia cắt từ lâu đời thành các chóp, các đỉnh có nhiều dáng vẻ khác nhau đã tạo nên địa hình muôn vẻ và cũng khá hiểm trở với nhiều bề mặt lởm chởm đá tai mèo sắc nhọn. Địa hình lại dốc đứng, độ cao từ 100m-300m. Trên vùng này, khả năng sinh trưởng và phát triển của thực vật diễn ra rất chậm chạp và vô cùng khó khăn.



Hình 1.1. Kiểu địa hình núi đá vôi

+ Kiểu địa hình thung lũng giữa núi:

Thung lũng giữa núi là những vùng trũng với nhiều hình dạng khác nhau thường kéo dài theo vĩa đá vôi và nối với nhau qua sông đá thấp tạo thành máng